

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Hữu T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị C có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Phan Thị C có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Hữu T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T ở Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm

sống trong sinh hoạt và trong đời sống kinh tế chung của vợ chồng, dẫn tới thường xuyên cãi cọ nhau. Gia đình hai bên đã cố gắng động viên, vợ chồng đã cùng cố gắng hòa hợp nhưng không thể hòa hợp được. Đến tháng 07 năm 2020, Chị C về nhà bố mẹ đẻ ở T ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên Chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị C trình bày, vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại bản thân Chị C không có thai nghén gì.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị C trình bày, chị và anh T đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày. Tại bản tự khai ngày 13/01/2021, anh T thể hiện quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà anh ở Thôn Đ, xã Q, huyện Q. Vợ chồng hòa hợp được 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Chị C tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T sinh sống, gia đình anh đã đi tìm Chị C về nhưng Chị C không về và không liên lạc được. Vợ chồng ly thân từ tháng 07/2020 cho đến nay. Nay chị C xin ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh. Do bận mãi công việc nên anh không lên Tòa giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt song anh T không viết đơn riêng để đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Phan Thị C và anh Bùi Hữu T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có mặt tại địa phương, được Tòa án hai lần triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị C, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và trong đời sống kinh tế chung dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi cọ lẫn nhau. Chị C, anh T đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2020 đến nay. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị C, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị C được ly hôn anh Bùi Hữu T.

2. Về quan hệ con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0004651 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị Phan Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng